

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2017/HS- ST
Ngày 27/11/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Xuân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Ngoan

2. Ông Nguyễn Thế Tuyền.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Phúc - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Thanh Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 59/2017/HSST ngày 19/10/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2017/HSST ngày 13/11/2017 đối với các bị cáo:

1. Giàng Mí P (tên gọi khác: Giàng Dũng P) sinh ngày 15 tháng 4 năm: 1986, tại huyện Đ, tỉnh Hà Giang; Nơi cư trú: Thôn S B, xã S, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Trồng trọt. Trình độ văn hóa: Không; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Giàng Phái P (đã chết) và bà Vừ Thị M (đã chết); có vợ là Vừ Thị L và 02 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Không; bị bắt tạm giam ngày 04/7/2017. Có mặt.

2. Vàng Mí L (tên gọi khác: Vàng Dũng L) sinh ngày 01 tháng 01 năm 1996, tại xã N, huyện Y, tỉnh Hà Giang; Nơi cư trú: Thôn P I, xã N, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vàng Chá L và bà Hàu Thị K; có vợ là Giàng Thị M và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị bắt tạm giam ngày 04/7/2017. Có mặt.

+) Người làm chứng:

1. Vàng Nhì S - SN 1991; Vắng mặt.

2. Hàu Thị C. Vắng mặt

3. Hàu Mí D: Vắng mặt.

4. Ly Mí X. Có mặt.

5. Cháng Vả S – sinh năm 1965. Vắng mặt

6. Hồ Chá T - sinh năm 1967; Vắng mặt

7. Giàng Sáy L. Vắng mặt.

8. Xá Chứ S – sinh năm 1959; vắng mặt.

Phiên dịch tiếng Mông: Ông Giàng Cồ S. Địa chỉ: Tổ 6, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu tháng 9 năm 2016, Giàng Mí P sinh năm 1986, trú tại thôn S B, xã S, huyện Đ, tỉnh Hà Giang đi chợ Má Púng, Vân Nam, Trung Quốc nên quen biết một người phụ nữ Trung Quốc tên là Vàng Thị M (*nhà ở gần khu vực chợ Má Púng*), M nói với Phứ về Việt Nam tìm người đưa sang Trung Quốc làm thuê cho M, công việc là phát cỏ, trồng cây, tiền công lao động là 100NDT/người/ngày. Nếu P cùng đi làm sẽ được trả công cao hơn mọi người 20 NDT tức là 120NDT/ngày và được P đồng ý. Khoảng một tuần sau buổi gặp M, P đến Bệnh viện đa khoa huyện Y thăm con của Vàng Mí L, sinh năm 1996, trú tại thôn P I, xã N, huyện Y. Qua nói chuyện P hỏi L “ *Có đi Trung Quốc làm thuê không? Nếu đi thì đi cùng P, công việc là phát cỏ trồng cây, tiền công là 100NDT/người/ngày, nếu ai có nhu cầu thì sẽ cho ứng trước tiền công lao động và bảo L xem có ai muốn đi Trung Quốc làm thuê thì rủ đi cùng*”. L đồng ý, sau khi L ở bệnh viện về có Vàng Phùa V, Ly Pà G (*trú cùng thôn với L*) đến chơi, biết việc L tìm người đi Trung Quốc làm thuê nên có đặt vấn đề cho đi cùng, L cũng truyền đạt lại về công việc làm, tiền công lao động cho V và G biết, sau đó V và G về nhà nói chuyện lại với một số người trong thôn nên có 06 người đến hỏi L việc đi Trung Quốc làm thuê gồm: Giàng Mí D, Giàng Sáy L, Hầu Mí P, Xá Chứ S và Hồ Chá T (*trú cùng thôn với L*) và Cháng Vả S – trú tại thôn P, xã N. Nội dung L nói cũng như nói với V và G, tất cả 06 người trên đồng ý và xin L cho đi cùng. L hẹn mọi người ngày 12/9/2017 tập trung tại trung tâm xã N, huyện Y để đi Trung Quốc. Ngoài số người L đã hẹn còn có một số người biết L đưa mọi người đi Trung Quốc cũng đến xin cùng đi.

Khoảng 15 giờ ngày 12/9/2016 có 11 người tập trung tại địa điểm đã hẹn đã hẹn gồm: (1)Vàng Nhìa S - Sinh năm 1991; (2)Vàng Chà P – sinh năm 1993; (3)Vàng Mí S; (4)Vàng Mí G cùng sinh năm 2001; (5) Hầu Mí H - sinh năm 1997; (6) Hồ Chá T - sinh năm 1967; (7) Xá Chứ S – sinh năm 1959; (8) Vàng Vả S cùng trú tại thôn P I, xã N, huyện Y; (9) Cháng Vả S – sinh năm 1965 trú tại thôn P, xã N, huyện Y và (10) Giàng Thị M - sinh năm 1997 (*Vợ của Vàng Mí L*) và (11) là một người dân tộc Dao không biết tên, tuổi, địa chỉ. Sau đó L liên lạc với Giàng Mí P, P thuê xe ô tô biển kiểm soát 23C – 031.10 của Ly Mí X – sinh năm 1986, trú tại thôn S B, xã S, huyện Đ Hà Giang rồi cùng X đi từ xã S, huyện Đ, Hà Giang xuống thôn B, xã N, huyện Y để đón 11 người trên đến nhà Giàng Mí Phể đưa sang Trung Quốc làm thuê với giá 400.000^d (*Bốn trăm ngàn đồng/người*). Ngoài số người đi ô tô còn có 06 người là: (1) Giàng Sáy L, (2)

Giàng Mí D; (3)Hầu Mí D – sinh năm 1993 (*tức Hầu Chìa D*); (4) Hầu Mí P ; (5) Hầu Sáy H cùng trú tại xã N, huyện Y đi xe mô tô đến xã S, huyện Đ gửi xe mô tô ở nhà người quen và chờ mọi người, còn Vàng Mí L sử dụng xe mô tô của L chở Vàng Pà H, trú tại thôn P I, xã N đến nhà P, số người đến nhà P sau khi ăn cơm xong được Ly Mí X điều khiển xe ô tô chở đi tiếp, trên đường đi đến khu vực thôn T, xã S, huyện Đ, Giàng Mí Ph và Vàng Mí L đón 05 người đi xe mô tô. Lúc này tổng số là 17 người cùng đi đến khu vực thuộc địa phận thôn L, xã S, huyện Đ giáp biên giới Việt Nam – Trung Quốc, tất cả xuống xe ô tô đi bộ qua đường mòn vượt biên sang Trung Quốc, Ly Mí X điều khiển ô tô quay về. Sang đến Trung Quốc, P và L tiếp tục cùng 17 người đi bộ khoảng 01 – 02 km thì đến nhà Vàng Thị M rồi M thuê ô tô đưa P và L cùng 17 người đi một ngày, một đêm thì đến nơi lao động. P và L cùng 17 người trên làm thuê tại đây, công việc là đào hố, trồng cây, phát cỏ. Làm việc được khoảng 02 tuần thì Vàng Thị M đưa cho Giàng Mí P 20.000NDT để P cầm về ứng cho gia đình những người do P và L đưa đi làm thuê, mỗi gia đình nhận từ 1000NDT đến 2000NDT (*P không nhớ rõ cụ thể gia đình nào 1000NDT, gia đình nào 2000NDT*) và không giữ lại tiền cho bản thân mình rồi P ở lại Việt Nam mà không sang Trung Quốc làm thuê nữa.

Khoảng giữa tháng 01/2017, số công dân được Giàng Mí P, Vàng Mí L đưa đi Trung Quốc làm thuê trở về Việt Nam, trước khi về được Vàng Thị M trả cho mỗi người 1000NDT (*không đủ so với số công lao động*) nên số người này đã nhiều lần đến nhà Vàng Mí L để đòi tiền công lao động và nói nếu L không có tiền trả thì sẽ lấy xe mô tô và bò của gia đình L. Do bị đòi tiền nhiều lần và L không có tiền để trả nên L đã đồng ý cho họ lấy xe mô tô và 02 con bò của gia đình L đi, hẹn khi nào có tiền trả thì số người trên sẽ trả lại tài sản cho L.

Ngày 12/02/2017, Hầu Sáy H - sinh năm 1990 đã đến nhà Vàng Mý L lấy 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại Wave, biển kiểm soát 23M1 – 075.69 mang đi gửi nhà Hầu Mí D, trú tại thôn P I, xã N, huyện Y sau đó D đã nộp lại cho cơ quan Công an. Đến ngày 13/02/2017 có Vàng Sáy L và Hầu Mí D đến nhà L lấy 02 con bò (*01 con bò mẹ và 01 con bê*), lần này có bà Hầu Thị C - Sinh năm 1971 (*là chị gái của mẹ L*) biết và cùng đến. Sau khi Vàng Sáy L và Hầu Mí D dắt bò ra ngoài lo sợ Vàng Sáy L và Hầu Mí D mang bò đi bán nên bà C dắt 02 mẹ con bò về nhà mình (*Do con bò mẹ là của gia đình bà C cho Vàng Mí L nuôi dẽ*), hiện nay bà C đã trả lại 02 mẹ con bò cho gia đình Vàng Mí L. Do Vàng Mí L lo số người mà P cùng L đưa đi Trung Quốc làm thuê đến lấy xe mô tô và 02 mẹ con bò đi, sợ họ bán những tài sản đó nên đã gửi đơn đến Ủy ban nhân dân huyện Y nhờ can thiệp.

Về vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra cơ quan Công an tỉnh Hà Giang thu giữ: 01 xe máy nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE, màu sơn đỏ - đen bạc, biển kiểm soát 23M1 – 075.69, số khung RLHHC 1218DY525871; số máy: HC12E-5525917, xe không có gương chiếu hậu, xi nhan bên trái bị vỡ, yếm bên trái xe bị vỡ, đuôi vỏ yếm hai bên bị vỡ, phần yên xe bị tháo rời, xe đã cũ, không

còn nguyên vẹn; 01 giấy đăng ký xe máy, số 000550 mang tên Vàng Mí L do công an huyện Y cấp ngày 03/3/2015

Tại bản cáo trạng số 20/KSĐT ngày 17 tháng 10 năm 2017 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang đã truy tố bị cáo Giàng Mí P, Vàng Mí L về tội Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài theo khoản 1 Điều 275 BLHS.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang, vẫn giữ nguyên nội dung truy tố như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố: Bị cáo Giàng Mí P, Vàng Mí L phạm tội Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài.

2. Hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 275; các điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Giàng Mí P từ 3 đến 4 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam.

- Xử phạt bị cáo Vàng Mí L từ 3 đến 4 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam.

3. Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 42 BLHS: Trả lại cho bị cáo Vàng Mí L 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE, màu sơn đỏ - đen bạc, biển kiểm soát 23M1 – 075.69; 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy mang tên Vàng Mí L.

4. Án phí: Căn cứ Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự buộc các bị cáo Giàng Mí P; Vàng Mí L phải nộp 200.000đ án phí HSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình Điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp đúng quy định pháp luật.

[2]. Tại phiên tòa bị cáo Giàng Mí P, Vàng Mí L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với: Lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra (từ bút lục số 81 đến bút lục số 122); Các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: biên bản về việc bắt người (BL số 33; 55); Lời khai của những người làm chứng (BL số 123 - 152 và từ BL 153 đến BL 160); Vật chứng của vụ án cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Tháng 9 năm 2016, Giàng Mí P đi chợ Má Púng, Vân Nam, Trung Quốc và quen biết một người phụ nữ Trung Quốc tên là Vàng Thị M, M nói với P về Việt Nam tìm người đưa sang Trung Quốc làm thuê cho M, công việc là phát cỏ, trồng cây, tiền công lao động là 100NDT/người/ngày. Trong một lần P đến thăm

con của Vàng Mí L ốm và có nói chuyện với L về việc đi làm thuê bên Trung Quốc và nói nếu L tìm được thêm người muốn đi làm thuê thì cho đi cùng cũng với công việc và tiền công như trên. Sau đó L tìm được 11 người rồi liên lạc với Giàng Mí P, P thuê xe ô tô của Ly Mí X đón 11 người trên đến nhà P để đưa sang Trung Quốc làm thuê, ngoài 11 người đi trên xe ô tô còn có 06 người đi xe mô tô. Tổng số là 17 người (bao gồm cả P và L) cùng vượt biên đến nhà Vàng Thị M, M thuê ô tô đưa mọi người đến nơi lao động. Làm việc được khoảng 02 tuần thì Vàng Thị M đưa cho Giàng Mí P 20.000NDT để P cầm về ứng cho gia đình những người do P và L đưa đi làm thuê, mỗi gia đình nhận từ 1000NDT đến 2000NDT sau đó P ở lại Việt Nam mà không sang Trung Quốc làm thuê nữa.

Khoảng giữa tháng 01/2017, số công dân được Giàng Mí P, Vàng Mí L đưa đi Trung Quốc làm thuê trở về Việt Nam, trước khi về được Vàng Thị M trả cho mỗi người 1000NDT (*không đủ so với số công lao động*) nên số người này đã nhiều lần đến nhà Vàng Mí L để đòi tiền công lao động. Do bị đòi tiền nhiều lần và L không có tiền để trả nên L đã đồng ý cho họ lấy xe mô tô và 02 con bò của gia đình L đi, hẹn khi nào có tiền trả thì số người trên sẽ trả lại tài sản cho L. Do lo sợ họ bán những tài sản đó nên L đã gửi đơn đến Ủy ban nhân dân huyện Y nhờ can thiệp. Bị cáo Giàng Mí P, Vàng Mí L đã tổ chức cho 15 người vượt biên sang Trung Quốc làm thuê mà không làm bất cứ thủ tục, giấy tờ xuất nhập cảnh nào và cũng không báo cáo cơ quan chức năng theo quy định của nhà nước.

[3]. Từ các chứng cứ nêu trên đã đủ chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo Giàng Mí P; Vàng Mí L cấu thành tội Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài theo khoản 1 Điều 275 của Bộ luật hình sự. Như vậy việc các bị cáo Giàng Mí P; Vàng Mí L bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố về tội Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài theo khoản 1 Điều 275 của Bộ luật hình sự là có căn cứ pháp luật.

[4]. Xét tính chất mức độ hình vi phạm tội của các bị cáo Giàng Mí P, Vàng Mí L là nguy hiểm cho xã hội, hành vi tổ chức người khác trốn sang nước ngoài của Giàng Mí P, Vàng Mí L đã xâm phạm đến hoạt động quản lý hành chính về lĩnh vực xuất nhập cảnh, xâm hại đến trật tự về an ninh biên giới, gây mất trật tự trị an xã hội. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, các bị cáo biết việc tổ chức người khác trốn ra nước ngoài không được cấp giấy phép của cơ quan có thẩm quyền là vi phạm pháp luật và các bị cáo cũng nhận thức được việc tổ chức xuất khẩu lao động ra nước ngoài phải do các cơ quan tổ chức nhà nước có thẩm quyền thực hiện. Nhưng do các bị cáo sinh sống ở vùng sâu vùng xa, là dân tộc ít người, bị cáo P không có trình độ văn hóa, không biết chữ và bị cáo L chỉ có trình độ văn hóa 3/12 do đó nhận thức về các quy định của pháp luật bị hạn chế, do đó các bị cáo đã vi phạm các quy định của nhà nước trong lĩnh vực xuất nhập cảnh của nhà nước, tổ chức đưa người sang Trung Quốc trái phép. Xét thấy cần xử các bị cáo một mức án đủ nghiêm, buộc các bị cáo phải cách ly khỏi xã hội một thời gian nhất định, có như vậy mới cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người lương thiện biết chấp hành pháp luật, đồng thời góp phần đấu tranh phòng chống đối với loại tội phạm này đang xảy ra

rất phức tạp trên địa bàn cả nước nói chung và tại tỉnh Hà Giang nói riêng. Tuy nhiên, khi xem xét mức hình phạt đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Mục đích của các bị cáo tổ chức cho người khác trốn ra nước ngoài chỉ là để đi lao động phổ thông thuần túy, các bị cáo cũng không được hưởng tiền công tìm người đi làm thuê, bản thân các bị cáo và người thân (vợ bị cáo L) cũng trực tiếp đi làm thuê và cũng không được trả tiền công lao động đầy đủ; những người các bị cáo đưa đi làm thuê bên Trung Quốc đều đã trở về Việt Nam đầy đủ và an toàn.

[5]. Đối với bị cáo Giàng Mí P HĐXX thấy rằng: Bị cáo phạm tội với vai trò đầu vụ, bị cáo là người trực tiếp tìm người đi làm thuê và thông qua Vàng Mí L tuyển người do đó cần có mức án cao hơn bị cáo Vàng Mí L; bản thân bị cáo P sau khi được Vàng Thị M cho ứng 20.000NDT cũng đã đem về ứng hết cho gia đình những người đi làm thuê mà không giữ lại tiền công cho mình. Bị cáo phạm tội lần đầu, trong quá trình điều tra vụ án cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, trình độ nhận thức pháp luật còn hạn chế, do đó cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 BLHS để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[6]. Đối với bị cáo Vàng Mí L: Tham gia phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn, chỉ vì kém hiểu biết và suy nghĩ đơn giản nên đã tiếp tay cho Giàng Mí P phạm tội. Bị cáo phạm tội lần đầu, trong quá trình điều tra vụ án cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, trình độ nhận thức pháp luật còn hạn chế, do đó cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 BLHS để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Theo quy định của Điều 349 BLHS năm 2015 thì mức hình phạt đối với trường hợp đưa người ra nước ngoài có quy định về số lượng người để áp dụng khung hình phạt cao hơn mức hình phạt của Điều 275 BLHS năm 1999. Vì vậy HĐXX không áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội để lên mức hình phạt đối với các bị cáo.

[7]. Về hành vi xuất nhập cảnh trái phép của bị cáo Giàng Mí P; Vàng Mí L đã bị Công an tỉnh Hà Giang ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính ngày 25/9/2017 với hình thức cảnh cáo xét thấy là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Đối với đối tượng tên là Vàng Thị M người Trung Quốc, giữ vai trò chủ mưu, thỏa thuận với P việc tìm người, công việc, tiền công lao động, tiền công tìm người nhưng do M là người Trung Quốc nên Cơ quan An ninh điều tra không có đủ điều kiện để điều tra, xác minh lai lịch cũng như có hình thức xử lý đối với Mỹ.

[9]. Đối với Vũ Mí X – Sinh năm 1986, trú tại thôn S B, xã S, huyện Đ, tỉnh Hà Giang làm nghề lái xe chuyên chở hàng được Giàng Mí P thuê đi đón,

chở người đến khu vực giáp biên giới rồi quay về. Xét thấy mục đích của X chở số người trên để lấy tiền công nên Cơ quan Công an không xử lý đối với Vừ Mí X là có căn cứ.

[10]. Đối với Giàng Sáy L, Hầu Sáy H, Hầu Mí D đại diện cho những người mà Giàng Mí P và Vàng Mí L đưa đi Trung Quốc làm thuê trực tiếp lấy 01 xe mô tô, 02 mẹ con bò của gia đình Vàng Mí L nhưng có sự thỏa thuận, đồng ý của L. Do vậy Cơ quan Công an không đề cập xử lý đối với L, H, D là có căn cứ.

[11]. Đối với hành vi xuất cảnh trái phép của những công dân đi lao động làm thuê, xét chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự, nhưng cơ quan điều tra không xử phạt hành chính đối với các công dân trên là có thiếu sót cần rút kinh nghiệm.

[12]. Về trách nhiệm dân sự: Đối với yêu cầu đòi bồi thường tiền công của một số người đi lao động làm thuê bên Trung Quốc đối với các bị cáo HĐXX xét thấy: Yêu cầu trên là không có căn cứ, vì trước khi đi làm thuê các bị cáo đã nói rõ là đi làm thuê cho người Trung Quốc chứ không phải làm thuê cho các bị cáo. Hơn nữa những người này cũng có lỗi trong việc xuất cảnh trái phép. Do đó HĐXX không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của những người nêu trên về việc đòi các bị cáo trả tiền công đi lao động.

[13]. Về vật chứng vụ án: 01 xe máy nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE, màu sơn đỏ - đen bạc, biển kiểm soát 23M1 – 075.69; 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy mang tên Vàng Mí L. Xét thấy trong quá trình điều tra không lấy được lời khai của Vàng Pà H, bên cạnh đó những người sang Trung Quốc được P thuê ô tô để chở đi. Tại phiên tòa bị cáo L khai trên đường đến nhà P gặp Vàng Pà H xin đi cùng nên chở đi luôn (H là anh trai của L) vì vậy chiếc xe máy của L không phải là công cụ thực hiện phạm tội. Do đó, trả lại cho bị cáo là phù hợp quy định của pháp luật.

[14]. Các bị cáo Giàng Mí P, Vàng Mí L phải chịu án phí theo quy định tại Điều 99 của BLTTHS và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Giàng Mí P, Vàng Mí L phạm tội Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài.

2. Hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 275; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999.

- Xử phạt bị cáo Giàng Mí P 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 04/7/2017).

- Xử phạt bị cáo Vàng Mí L 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 04/7/2017).

3. Vật chứng: Áp dụng điều 41 BLHS; điều 76 BLTTHS.

Trả lại cho bị cáo Vàng Mí L 01 xe máy nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE, màu sơn đỏ - đen bạc, biển kiểm soát 23M1 – 075.69, số khung RLHHC 1218DY525871; số máy: HC12E-5525917, xe không có gương chiếu hậu, xi nhan bên trái bị vỡ, yếm bên trái xe bị vỡ, đuôi vỏ yếm hai bên bị vỡ, phần yên xe bị tháo rời, xe đã cũ, không còn nguyên vẹn; 01 giấy đăng ký xe máy số: 000550 mang tên Vàng Mí L do Công an huyện Y cấp ngày 03/3/2015. Tình trạng, đặc điểm chi tiết của vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/10/2017 giữa cơ quan An ninh Điều tra Công an tỉnh Hà Giang và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang.

4. Án phí: Căn cứ Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc các bị cáo Giàng Mí P, Vàng Mí L phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

Báo cho các bị cáo biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- PV 27; PA92;
- Trại tạm giam thuộc CA tỉnh Hà Giang;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh;
- PV 27; PA 92 Công an tỉnh Hà Giang;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang;
- Bị cáo;
- Cục THA DS tỉnh;
- Lưu.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán chủ Tọa Phiên Tòa

Nguyễn Thị Xuân